

Số: 07/CBTT-GTM

Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần tổng hợp Gỗ Tân Mai thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai
 - Mã chứng khoán: TMW
 - Địa chỉ: số 84 đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
 - Điện thoại liên hệ: 02513 8322258 Fax: 0251 3823731
 - Email: gotanmai@vnn.vn
- Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai vào ngày 28 tháng 03 năm 2025 tại đường dẫn: <http://wood-tanmai.com.vn> vào mục "Quan hệ cổ đông".

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng năm 2024 đã được kiểm toán;
- Văn bản giải trình biến động.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 15 /GTM-NV

Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2025

V/v giải trình biến động lợi nhuận
sau thuế năm 2024 tăng hơn 10%
so với cùng kỳ năm trước.

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

*Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*

*Căn cứ Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết
thúc vào ngày 31/12/2024;*

Công ty cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai xin được giải trình nguyên nhân lợi
nhuận sau thuế tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Báo cáo tài chính
riêng năm 2024 thay đổi hơn 10% so với cùng kỳ như sau:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2023
1.	Doanh thu thuần	117.794.866.058	91.860.556.295
2.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	40.866.616.060	10.104.377.247

Nguyên nhân: Do phát sinh giao dịch chuyển nhượng tài sản gắn liền đất
trong Cụm Công nghiệp vật liệu xây dựng Hồ Nai 3, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng
Bom, tỉnh Đồng Nai nên lợi nhuận sau thuế năm 2024 tăng 304,44% so với cùng
kỳ.

Công ty cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai xin được giải trình nguyên nhân
nêu trên để Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV, CBTT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Hiểu



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 34

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600254266, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006 với các lần thay đổi, lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ mười ngày 07 tháng 02 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 0251. 3826940 / 8880201 / 3823730
- Fax : 0251. 3823731
- Website : www.wood-tanmai.com.vn
- Email : gotanmai@gotanmai.vn / sales@wood-tanmai.com.vn.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom theo thông báo số 741/TB-SGDHN ngày 08 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với thông tin:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu Phổ thông
- Mã chứng khoán: TMW
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký: 4.662.350 Cổ phiếu
- Tổng giá trị: 46.623.500.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác: Sản xuất ván ép, ván dăm;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quần gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện: Sản xuất hàng mộc tinh chế;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn phân bón, hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh cơ sở hạ tầng. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng (chỉ hoạt động khi có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (thực hiện theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ) (trừ động vật hoang dã thuộc danh mục cấm);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp.

Trong năm 2024, hoạt động chính của Công ty là sản xuất ván ép, cho thuê bất động sản, kinh doanh mua bán nông sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Đức Bình	Chủ tịch
Bà Dương Thị Mỹ Dung	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Lan Đình	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Tuyền	Thành viên

Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2025
Bà Dương Thị Mỹ Dung	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2025

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lê Thị Xuân Hằng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Trang	Thành viên
Bà Mai Xuân	Thành viên

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Phạm Đức Bình	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2025
Bà Dương Thị Mỹ Dung	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2025

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

6. Công bố trách nhiệm của Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN HỮU HIẾU

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai ("Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

NGUYỄN NGỌC ANH TRÚC
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5517-2021-009-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67.525.479.705	76.306.106.345
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	32.681.263.195	2.080.384.986
Tiền	111		30.181.263.195	2.080.384.986
Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	12.370.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	12.370.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.286.357.195	50.741.857.793
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	30.355.181.191	52.773.787.661
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	525.067.600	181.218.943
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.201.665.756	382.632.980
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(2.795.557.352)	(2.595.781.791)
Hàng tồn kho	140	5.7	5.236.597.003	11.001.333.136
Hàng tồn kho	141		5.786.797.573	11.001.333.136
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(550.200.570)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		321.262.312	112.530.430
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	241.760.240	112.530.430
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	79.502.072	-
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		76.325.289.867	57.080.075.829
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		21.349.376.191	26.159.133.594
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	21.349.376.191	26.159.133.594
Nguyên giá	222		69.638.495.440	86.458.783.388
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.289.119.249)	(60.299.649.794)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
Nguyên giá	228		167.243.000	167.243.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(167.243.000)	(167.243.000)
Bất động sản đầu tư	230	5.11	28.867.975.888	30.629.200.096
Nguyên giá	231		59.564.143.487	59.564.143.487
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(30.696.167.599)	(28.934.943.391)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		25.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty con	251	5.2	25.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.107.937.788	291.742.139
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	1.107.937.788	291.742.139
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		143.850.769.572	133.386.182.174

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		18.496.419.971	44.236.098.633
Nợ ngắn hạn	310		12.460.953.539	38.200.632.201
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	2.032.285.379	1.457.286.480
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	96.450.062	94.002.782
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	171.352.175	970.055.753
Phải trả người lao động	314		1.546.221.250	1.341.018.616
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	5.112.366.517	4.258.251.256
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	25.090.908
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	3.362.985.392	3.460.111.642
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	26.410.000.000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.17	139.292.764	184.814.764
Nợ dài hạn	330		6.035.466.432	6.035.466.432
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	6.035.466.432	6.035.466.432
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		125.354.349.601	89.150.083.541
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	125.354.349.601	89.150.083.541
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		46.623.500.000	46.623.500.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		46.623.500.000	46.623.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		24.225.364.017	24.225.364.017
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.505.485.584	18.301.219.524
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.638.869.524	8.196.842.277
LNST chưa phân phối năm nay	421b		40.866.616.060	10.104.377.247
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		143.850.769.572	133.386.182.174

PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU HIẾU

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	117.794.866.058	91.860.556.295
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		117.794.866.058	91.860.556.295
Giá vốn hàng bán	11	6.2	97.654.030.747	75.026.731.511
Lợi nhuận gộp	20		20.140.835.311	16.833.824.784
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	164.828.908	1.692.658.685
Chi phí tài chính	22	6.4	888.144.307	324.443.836
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		868.076.271	324.443.836
Chi phí bán hàng	25	6.5	130.459.159	100.212.165
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	5.197.763.446	5.424.887.659
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		14.089.297.307	12.676.939.809
Thu nhập khác	31	6.7	37.469.506.456	37.363.914
Chi phí khác	32	6.8	212.487.241	124.928
Lợi nhuận khác	40		37.257.019.215	37.238.986
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		51.346.316.522	12.714.178.795
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	10.479.700.462	2.609.801.548
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		40.866.616.060	10.104.377.247

PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU HIẾU
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	51.346.316.522	12.714.178.795
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.349.919.034	3.350.007.294
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	749.976.131	199.775.561
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.215.658	(836.435)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(35.728.201.569)	(1.691.822.250)
Chi phí lãi vay	06	868.076.271	324.443.836
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	20.587.302.047	14.895.746.801
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	22.176.222.965	(46.160.929.441)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	5.214.535.563	720.972.987
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	1.233.073.057	1.026.864.328
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(945.425.459)	(57.075.625)
Tiền lãi vay đã trả	14	(868.076.271)	(324.443.836)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.999.004.082)	(2.655.332.170)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(45.522.000)	(72.848.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.353.105.820	(32.627.045.656)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.802.416.614)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	40.586.851.852	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(33.180.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	12.370.000.000	42.060.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	164.828.908	1.718.898.113
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	25.319.264.146	10.598.898.113
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	55.364.889.330	41.330.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(81.774.889.330)	(14.920.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.662.350.000)	(3.734.060.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(31.072.350.000)	22.675.940.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	30.600.019.966	647.792.457
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	2.080.384.986	1.431.756.094
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	858.243	836.435
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	32.681.263.195	2.080.384.986

PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU HIẾU

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600254266, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006 với các lần thay đổi, lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ mười ngày 07 tháng 02 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 0251. 3826940 / 8880201 / 3823730
- Fax : 0251. 3823731
- Website : www.wood-tanmai.com.vn
- Email : gotanmai@gotanmai.vn / sales@wood-tanmai.com.vn.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Upcom theo thông báo số 741/TB-SGDHN ngày 08 tháng 12 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với thông tin:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu Phổ thông
- Mã chứng khoán: TMW
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký: 4.662.350 Cổ phiếu
- Tổng giá trị: 46.623.500.000 đồng

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác: Sản xuất ván ép, ván dăm.

Trong năm 2024, hoạt động chính của Công ty là sản xuất ván ép, cho thuê bất động sản, kinh doanh mua bán nông sản.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Ván Ép Tân Mai – Công ty Cổ phần Gỗ Tân Mai	173/374 đường Điều Xiển, Khu phố 8, phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất ván ép

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 70 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 73 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng công bố vào ngày này; các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả được quy đổi ra VND theo tỷ giá bán ra của ngân hàng công bố vào ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí thực hiện sản xuất sản phẩm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng kể từ khi phát sinh, thời gian phân bổ là 12 tháng.

Chi phí công cụ dụng cụ

Chi phí công cụ, dụng cụ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 35 năm
Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
Cơ sở hạ tầng	05 – 20 năm

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.18 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, cho vay ngắn hạn, phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Thanh Bình	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Cổ đông lớn
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV TM2	Công ty con
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc	Thành viên chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	86.720.483	76.209.389
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	30.068.437.770	1.980.703.463
- USD	21.157.505	18.203.905
- EUR	4.947.437	5.268.229
Các khoản tương đương tiền	2.500.000.000	-
	32.681.263.195	2.080.384.986

Chi tiết số dư gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- USD	837.76	21.157.505
- EUR	189.46	4.947.437
		26.104.942

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm đầu tư vào Công ty con.

Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2024		Giá trị hợp lý VND	01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND		Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào công ty con					
Công ty TNHH MTV TM2	25.000.000.000	25.000.000.000	(*)	-	-
	25.000.000.000	25.000.000.000		-	-

Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty tại 31 tháng 12 năm 2024 gồm:

Đây là khoản đầu tư vào công ty con - Công ty TNHH MTV TM2. địa chỉ trụ sở chính tại 84 Nguyễn Văn Hoa, khu phố 3, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của công ty con là Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sản xuất gỗ dán, gỗ, ván ép và ván mỏng khác. Vốn điều lệ 30.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã góp 25.000.000.000 VND vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty con là 100%.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào Công ty này.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các khách hàng khác				
Chi nhánh Công ty TNHH KNA Apparel Sourcing (Việt Nam)	923.884.826	(646.719.378)	923.884.826	(461.942.413)
Công ty Cổ phần Gỗ Đức Bảo	1.702.081.830	(1.702.081.830)	1.702.081.830	(1.702.081.830)
Công ty TNHH Gỗ Minh Quân	1.016.354.175	-	1.204.234.175	-
Ông Trần Văn Nguyên	119.000.000	(119.000.000)	119.000.000	(119.000.000)
Công ty TNHH MeKong	211.581.059	(211.581.059)	211.581.059	(211.581.059)
Công ty TNHH Trường Phát Lộc	32.680.000	(32.680.000)	32.680.000	(32.680.000)
Công ty TNHH Samwoo Việt Nam	74.992.977	(52.495.085)	74.992.977	(37.496.489)
Công ty TNHH Tập đoàn Quốc tế Austgrow Việt Nam	1.379.038.913	-	693.000.600	-
Công ty TNHH Việt Thái Lan	19.531.943.520	-	43.995.000.000	-
Công ty TNHH TDF Long An	1.165.762.802	-	566.972.978	-
Phải thu khách hàng khác	4.197.861.089	-	3.250.359.216	-
	30.355.181.191	(2.764.557.352)	52.773.787.661	(2.564.781.791)

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước người bán khác				
Công ty TNHH Sơn Hải Lý	330.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Supreme Rice Mills PVT	145.167.600	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	49.900.000	(31.000.000)	181.218.943	(31.000.000)
	525.067.600	(31.000.000)	181.218.943	(31.000.000)

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Công ty TNHH Minh Hưng Tiến - thu thanh lý TSCĐ	1.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Tokoseiki Việt Nam	171.916.682	-	121.493.024	-
Các khoản phải thu khác	29.749.074	-	261.354.388	-
	1.201.665.756	-	382.632.980	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI
Số 84, đường Nguyễn Văn Hòa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.6 Nợ xấu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND
<i>Phải thu khách hàng khác</i>				
Công ty Cổ phần Gỗ Đức Bảo – Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.702.081.830	Trên 3 năm	1.702.081.830
Cty TNHH Hoàng Nam (Ông Trần Văn Nguyên)	Trên 3 năm	119.000.000	Trên 3 năm	119.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH KNA Apparel Sourcing (Việt Nam)	Trên 2 năm	923.884.826	Trên 2 năm	923.884.826
Công ty TNHH TM & SX HH MeKong	Trên 3 năm	211.581.059	Trên 3 năm	211.581.059
Công ty TNHH Samwoo Polymer	Trên 2 năm	74.992.977	Trên 2 năm	74.992.977
Công Ty TNHH Trường Phát Lộc	Trên 3 năm	32.680.000	Trên 3 năm	32.680.000
<i>Trả trước người bán khác</i>				
Ông Trần Ngọc Danh – Trả trước người bán	Trên 3 năm	31.000.000	Trên 3 năm	31.000.000
		3.095.220.692		3.095.220.692
				499.438.901

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Tổng VND
Tại ngày đầu năm	(2.564.781.791)	(31.000.000)	(2.595.781.791)
Trích lập trong năm	(199.775.561)	-	(199.775.561)
Tại ngày cuối năm	(2.764.557.352)	(31.000.000)	(2.795.557.352)

Handwritten signature and stamp in red ink.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.776.252.722	-	2.756.173.684	-
Công cụ, dụng cụ	70.784.071	-	87.276.130	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.085.178	-	319.131.991	-
Thành phẩm	2.908.675.602	(550.200.570)	7.838.751.331	-
	5.786.797.573	(550.200.570)	11.001.333.136	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm 2024 VND
Tại ngày đầu năm	-
Trích lập trong năm	(550.200.570)
Tại ngày cuối năm	(550.200.570)

5.8 Chi phí trả trước**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	221.397.731	95.424.927
Chi phí trả trước khác	20.362.509	17.105.503
	241.760.240	112.530.430

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	1.107.937.788	291.742.139
	1.107.937.788	291.742.139

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2024	52.411.107.036	30.259.255.803	3.141.294.796	647.125.753	86.458.783.388
Tăng trong năm	-	2.802.416.614	-	-	2.802.416.614
Thanh lý trong năm	(12.956.428.620)	(6.666.275.942)	-	-	(19.622.704.562)
Tại ngày 31/12/2024	39.454.678.416	26.395.396.475	3.141.294.796	647.125.753	69.638.495.440

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2024	26.427.429.265	30.200.755.803	3.024.338.973	647.125.753	60.299.649.794
Khấu hao trong năm	1.357.242.935	155.122.795	76.329.096	-	1.588.694.826
Thanh lý trong năm	(6.932.949.429)	(6.666.275.942)	-	-	(13.599.225.371)
Tại ngày 31/12/2024	20.851.722.771	23.689.602.656	3.100.668.069	647.125.753	48.289.119.249
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	25.983.677.771	58.500.000	116.955.823	-	26.159.133.594
Tại ngày 31/12/2024	18.602.955.645	2.705.793.819	40.626.727	-	21.349.376.191

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 33.634.014.303 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 41.005.824.357 VND).

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phản mềm kế toán VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2024	167.243.000
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2024	167.243.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2024	167.243.000
Khấu hao trong năm	-
Tại ngày 31/12/2024	167.243.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2024	-
Tại ngày 31/12/2024	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 01 tháng 01 năm 2024, nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 167.243.000 VND.

5.11 Bất động sản đầu tư

	Cơ sở hạ tầng VND	Nhà cửa VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	3.993.427.464	55.570.716.023	59.564.143.487
Tại ngày 31/12/2024	3.993.427.464	55.570.716.023	59.564.143.487
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	3.993.427.464	24.941.515.917	28.934.943.381
Khấu hao trong năm	-	1.761.224.218	1.761.224.218
Tại ngày 31/12/2024	3.993.427.464	26.702.740.135	30.696.167.599
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	-	30.629.200.106	30.629.200.096
Tại ngày 31/12/2024	-	28.867.975.888	28.867.975.888

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bất động sản đầu tư là nhà xưởng, cơ sở hạ tầng có vị trí tại xã Thiện Tân, Xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Hệ thống điện sản xuất, chiếu sáng	2.300.000.000	2.300.000.000	-
Hệ thống kim thu sét - nhà văn phòng	34.480.000	34.480.000	-
Nhà xưởng	42.000.000.000	17.033.333.378	24.966.666.622
Đường vào xưởng sản xuất	58.303.983	58.303.983	-
Nhà bảo vệ	56.371.472	56.371.472	-
Trạm biến áp 560kva	422.827.272	422.827.272	-
Hệ thống điện sản xuất, chiếu sáng	930.750.363	930.750.363	-
Hệ thống chống sét	159.090.909	159.090.909	-
Máy bơm phòng cháy chữa cháy	35.000.000	35.000.000	-
Hệ thống báo cháy nhà xưởng	82.400.000	82.400.000	-
Nhà xả dăm	376.124.000	376.124.000	-
Hồ nước Phòng cháy chữa cháy	310.000.000	228.625.014	81.374.986
Sân đường mở rộng	73.833.640	73.833.640	-
Nhà hút bụi	22.045.130	22.045.130	-
Bờ kè	54.182.028	54.182.028	-
Nhà xưởng sản xuất	8.541.933.594	4.729.755.889	3.812.177.705
Máy bơm Phòng cháy chữa cháy	35.000.000	35.000.000	-
Hệ thống cứu hỏa	28.358.920	28.358.920	-
Kho 17a	541.368.000	541.368.000	-
Kho 14	2.378.206.069	2.378.206.069	-
Kho 12	703.316.886	703.316.886	-
Đường nội bộ	96.614.000	96.614.000	-
Kho 17b	80.937.221	73.180.646	7.756.575
Kho 13	243.000.000	243.000.000	-
	59.564.143.487	30.696.167.599	28.867.975.888

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ việc cho thuê	20.287.374.908	18.929.798.266
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	5.869.769.877	5.331.665.829
Chi phí không trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	895.409.369	3.301.344.466

Giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH MTV Gỗ Đạt Lợi	455.912.305	455.912.305	572.867.494	572.867.494
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thiên Phước	-	-	273.360.122	273.360.122
Công ty TNHH Veneer Phong Thuận	180.648.705	180.648.705	228.210.354	228.210.354
Công ty TNHH MTV Thương mại Diễm Sâm	598.896.639	598.896.639	-	-
Công ty TNHH Kiểm nghiệm Quốc tế ICTT Việt Nam	187.264.400	187.264.400	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Anh Dũng Phát	179.500.585	179.500.585	-	-
Các nhà cung cấp khác	430.062.745	430.062.745	382.848.510	382.848.510
	2.032.285.379	2.032.285.379	1.457.286.480	1.457.286.480

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Người mua trả tiền trước khác		
Mitsui Bussan I – Fashion Limited	69.458.127	69.458.127
Công ty TNHH SEGIS Việt Nam	18.323.280	-
Công ty TNHH Thiết kế In ấn Diệp Trần	-	15.876.000
Các khách hàng khác	8.668.655	8.668.655
	96.450.062	94.002.782

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, (phải thu) Nhà nước

	01/01/2024		Phát sinh trong năm		31/12/2024	
	Phải nộp VND	Phải nộp VND	Đã nộp/Đã khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND	
Thuế GTGT	349.479.857	9.401.190.610	(9.590.911.118)	159.759.349	-	
Thuế TNDN	439.801.548	10.479.700.462	(10.999.004.082)	-	(79.502.072)	
Thuế XNK	-	216.281.546	(216.281.546)	-	-	
Thuế TNCN	10.086.754	84.205.671	(82.699.599)	11.592.826	-	
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	170.687.594	1.110.404.136	(1.281.091.730)	-	-	
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-	
Các khoản khác	-	26.107.800	(26.107.800)	-	-	
	970.055.753	21.321.890.225	(22.200.095.875)	171.352.175	(79.502.072)	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh nội địa là 10% và 8%, Xuất khẩu 0%, Thu hộ tiền nước 5%, Thu hộ tiền điện 8%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.346.316.522	12.714.178.795
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.053.044.032	334.828.944
- Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại năm nay	(858.243)	-
Thu nhập chịu thuế	<u>52.398.502.311</u>	<u>13.049.007.739</u>
Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế	52.398.502.311	13.049.007.739
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng Thuế TNDN còn phải nộp	<u>10.479.700.462</u>	<u>2.609.801.548</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Tiền thuế đất và tiền thuê đất

Công ty nộp thuế đất, tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế.

Công ty nộp tiền thuê đất và phí sử dụng hạ tầng Khu Công nghiệp Biên Hòa I, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo hóa đơn của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi).

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Trích trước tiền thuê đất, phí hạ tầng	4.171.584.435	4.171.584.434
Chi phí hoa hồng môi giới	840.000.000	-
Trích trước chi phí điện, nước	39.580.082	58.030.458
Chi phí phải trả khác	61.202.000	28.636.364
	<u>5.112.366.517</u>	<u>4.258.251.256</u>

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Cổ tức phải trả - Cổ đông không có ảnh hưởng đáng kể	414.803.250	506.929.500
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa – cổ tức phải trả	1.874.250.000	1.874.250.000
Nhận ký quỹ – Đặt cọc tiền thuê nhà xưởng	645.420.000	650.420.000
Phải trả khác	428.512.142	428.512.142
	<u>3.362.985.392</u>	<u>3.460.111.642</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Công ty TNHH Tokoseiki Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Quốc tế Austgrow Việt Nam	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty TNHH Parker Seal Việt Nam	1.242.166.432	1.242.166.432
Công ty TNHH Samwoo Polymer	543.300.000	543.300.000
Công ty TNHH Gỗ Minh Quân	450.000.000	450.000.000
	6.035.466.432	6.035.466.432

5.16.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.17 Quý khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tại ngày đầu năm	184.814.764	257.663.464
Chi trong năm	(45.522.000)	(72.848.700)
Tại ngày cuối năm	139.292.764	184.814.764

5.18 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2023	46.623.500.000	24.225.364.017	11.926.722.277	82.775.586.294
Lãi trong năm	-	-	10.104.377.247	10.104.377.247
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	(3.729.880.000)	(3.729.880.000)
Số dư 31/12/2023	46.623.500.000	24.225.364.017	18.301.219.524	89.150.083.541
Số dư 01/01/2024	46.623.500.000	24.225.364.017	18.301.219.524	89.150.083.541
Lãi trong năm	-	-	40.866.616.060	40.866.616.060
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	(4.662.350.000)	(4.662.350.000)
Số dư 31/12/2024	46.623.500.000	24.225.364.017	54.505.485.584	125.354.349.601

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ mười ngày 07 tháng 02 năm 2025 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, vốn điều lệ của Công ty là 46.623.500.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, các cổ đông Công ty đã góp đủ vốn, chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

	31/12/2024			01/01/2024		
	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH Thanh Bình	2.282.050	22.820.500.000	48.95%	2.191.600	21.916.000.000	47.01%
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	1.544.300	15.443.000.000	33.12%	1.544.300	15.443.000.000	33.12%
Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	302.000	3.020.000.000	6.48%	302.000	3.020.000.000	6.48%
Cổ đông khác	534.000	5.340.000.000	11.45%	624.450	6.244.500.000	13.39%
	4.662.350	46.623.500.000	100.00%	4.662.350	46.623.500.000	100.00%

5.18.3 Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.662.350	4.662.350
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.662.350	4.662.350
• Cổ phiếu phổ thông	4.662.350	4.662.350
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.662.350	4.662.350
• Cổ phiếu phổ thông	4.662.350	4.662.350
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.18.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm 2024, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ.ĐHĐCĐ.GTM ngày 26 tháng 04 năm 2024 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (10%/ vốn điều lệ) năm 2023	4.662.350.000

5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**5.19.1 Tài sản thuê ngoài:****Công ty ký kết các hợp đồng thuê đất sau:**

- Hợp đồng thuê đất số 54/HĐTĐ ngày 08/07/2008 ký với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Nai gồm các thửa đất: Thửa đất 261 tờ bản đồ số 7 có diện tích 1.785,7 m², thửa đất số 9 tờ bản đồ số 18 có diện tích 95,2 m² tại phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Thời hạn thuê đến 01/01/2046. Tiền thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 4.372,2 đồng/m²/năm).
- Hợp đồng thuê đất số 25/HĐTĐ_TĐTM ngày 07/02/2012 và phụ lục hợp đồng thuê đất số 25/HĐTĐTĐ-2 ngày 03 tháng 04 năm 2024 ký với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Nai thửa đất số 284, tờ bản đồ số 36 tại ấp 1 xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà máy sản xuất ván ép và hàng mộc để xuất khẩu, thời hạn thuê đến 04/03/2059. Diện tích thuê là 26.561 m². Tiền thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 21.000 đồng/m²/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Hợp đồng thuê đất số 35/HĐTĐ ngày 20/05/2010 ký với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Nai thửa đất 68, tờ bản đồ số 25 tại xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích làm kho chứa nguyên vật liệu và thành phẩm gỗ chế biến. thời hạn thuê đất đến 31/12/2054. Diện tích đất thuê là 12.340,6 m². Tiền thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 2.690 đồng/m²/năm).
- Hợp đồng thuê đất số 110/HĐTĐ ngày 06/12/2013 ký với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Nai gồm các thửa đất: Thửa đất 119, tờ bản đồ số 34 tại xã Thiên Tân, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai diện tích 12.806,2 m²; thửa đất 279, tờ bản đồ số 36 diện tích 15.159,7 m² tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích làm nhà xưởng chế biến gỗ, thời hạn thuê đất đến 15/11/2054. Diện tích đất thuê là 27.965,9 m². Tiền thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất là 6.313 đồng/m²/năm áp dụng từ tháng 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 22 tháng 07 năm 2024). Từ ngày 23 tháng 07 năm 2024, đơn giá thuê đất là 21.000 đồng/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 76/HĐTĐ-BH1 ngày 01/04/2006 ký với Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi) thửa đất 33, tờ bản đồ số 35 tại đường I, KCN Biên Hòa I, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Thời hạn thuê từ 01/04/2006 đến 12/04/2051. Diện tích đất thuê là 20.425,9 m². Tiền thuê đất trả hàng năm.

5.19.2 Ngoại tệ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dolla Mỹ (USD)	837,76	757,56
Đồng Euro (EUR)	189,46	199,78

5.19.3 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ông Shin Myung Chul	2.175.987.180	2.175.987.180
Công ty TNHH May mặc SM	801.235.456	801.235.456
Ông Nguyễn Minh Đức	694.584.387	694.584.387
Ông Phạm Trung Kiên	137.500.000	137.500.000
Ông Hà Như Phong	391.638.640	391.638.640
Công ty TNHH Bảy Hồng	83.793.750	83.793.750
Hợp tác xã Quyết Tâm	19.600.000	19.600.000
Công ty TNHH CanDo Vina	570.743.086	570.743.086
	4.875.082.499	4.875.082.499

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	97.507.491.150	72.930.758.029
Doanh thu cho thuê bất động sản	20.287.374.908	18.929.798.266
	117.794.866.058	91.860.556.295

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	91.234.060.300	69.695.065.673
Giá vốn cho thuê văn phòng, nhà xưởng	5.869.769.877	5.331.665.838
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	550.200.570	-
	97.654.030.747	75.026.731.511

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	164.828.908	1.688.647.250
Lãi trái phiếu	-	3.175.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	836.435
	164.828.908	1.692.658.685

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	868.076.271	324.443.836
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	18.852.378	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.215.658	-
	888.144.307	324.443.836

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí vận chuyển	121.730.000	99.667.000
Chi phí ngân hàng	8.729.159	545.165
	130.459.159	100.212.165

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	3.053.615.665	3.242.516.308
Chi phí khấu hao tài sản cố định	243.617.796	267.929.082
Thuế, phí và lệ phí	47.745.359	47.008.263
Chi phí dự phòng	199.775.561	199.775.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	673.242.186	827.554.128
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	979.766.879	840.104.317
	5.197.763.446	5.424.887.659

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu từ vi phạm hợp đồng	1.906.131.162	37.363.914
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	35.563.372.661	-
Thu nhập khác	2.633	-
	37.469.506.456	37.363.914

6.8 Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Phạt hành chính	15.284.183	-
Ứng hộ khác phục thiên tai	100.000.000	-
Chi phí khác	97.203.058	124.928
	212.487.241	124.928

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	77.333.750.755	61.834.439.910
Chi phí nhân công	11.672.866.691	10.290.055.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.349.919.034	3.350.007.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.739.606.112	3.361.402.826
Chi phí dự phòng	749.976.131	199.775.561
Chi phí khác	3.175.811.906	1.104.690.266
	98.021.930.629	80.140.371.569

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	55.364.889.330	41.330.000.000
	55.364.889.330	41.330.000.000

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	81.774.889.330	14.920.000.000
	81.774.889.330	14.920.000.000

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Phải trả người bán	2.032.285.379	-	2.032.285.379
Chi phí phải trả	5.112.366.517	-	5.112.366.517
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.325.114.176	6.035.466.432	9.360.580.608
	10.469.766.072	6.035.466.432	16.505.232.504
Ngày 01 tháng 01 năm 2024			
Phải trả người bán	1.457.286.480	-	1.457.286.480
Chi phí phải trả	4.258.251.256	-	4.258.251.256
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.422.240.426	6.035.466.432	9.457.706.858
Vay và nợ thuê tài chính	26.410.000.000	-	26.410.000.000
	35.547.778.162	6.035.466.432	41.583.244.594

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

iv. Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	30.355.181.191	50.209.005.870	27.590.623.839	50.209.005.870
Phải thu khác	1.196.437.331	344.097.982	1.196.437.331	344.097.982
Đầu tư	-	12.370.000.000	-	12.370.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.681.263.195	2.080.384.986	32.681.263.195	2.080.384.986
	64.232.881.717	65.003.488.838	61.468.324.365	65.003.488.838
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	2.032.285.379	1.457.286.480	2.032.285.379	1.457.286.480
Chi phí phải trả	5.112.366.517	4.258.251.256	5.112.366.517	4.258.251.256
Các khoản phải trả khác	9.360.580.608	9.457.706.858	9.360.580.608	9.457.706.858
Vay và nợ thuê tài chính	-	26.410.000.000	-	26.410.000.000
	16.505.232.504	41.583.244.594	16.505.232.504	41.583.244.594

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban điều hành (Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Tổng thù lao		
Ông Phạm Đức Bình – Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Bà Dương Thị Mỹ Dung – Thành viên	48.000.000	48.000.000
Bà Phạm Ngọc Tuyết Vân – Thành viên	-	12.000.000
Bà Lê Thị Thanh Tuyền – Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Phạm Lan Đình – Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Trang - Thành viên BKS	18.000.000	18.000.020
Bà Mai Xuân – Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000
Thù lao	216.000.000	228.000.020
Thành viên Ban Quản lý		
Lương, thưởng		
Bà Dương Thị Mỹ Dung – Giám đốc	375.655.334	336.423.819
Bà Phạm Ngọc Tuyết Vân – Kế toán trưởng	334.840.549	289.791.808
Bà Lê Thị Xuân Hằng – Trưởng ban kiểm soát	227.348.058	184.578.155
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	937.843.941	810.793.782

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty TNHH Thanh Bình			
	Chia cổ tức	2.191.600.000	1.753.280.000
	Lãi cho vay	-	273.424.657
	Mua dịch vụ sửa chữa	560.480.086	42.623.389
	Bù trừ công nợ	-	3.960.000.000
	Mua nông sản, thực phẩm	10.431.000.000	44.358.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Chia cổ tức	1.544.300.000	1.235.440.000
Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai	Chia cổ tức	302.000.000	241.600.000
Công ty TNHH MTV TM2	Góp vốn	25.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÓNG HỢP GỖ TÂN MAI
Số 84, đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh chế biến gỗ VND	Kinh doanh nông sản VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	33.287.607.170	64.214.948.980	20.292.309.908	117.794.866.058
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.245.125.556	2.473.169.724	8.371.002.027	14.089.297.307
Tài sản bộ phận	11.438.625.098	-	132.412.144.474	143.850.769.572
Nợ phải trả bộ phận	10.495.246.009	-	8.001.173.962	18.496.419.971

Theo khu vực địa lý:

	Trong nước VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	117.794.866.058	-	117.794.866.058
Tài sản bộ phận	-	-	143.850.769.572

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2024) yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



PHẠM NGỌC TUYẾT VÂN
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU HIỆU
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2025